

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 23/8/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A: Ông Lê Minh Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc *“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: ông Lương Ngọc P- Luật sư Văn phòng Luật sư Lương Gia Phát; địa chỉ: Tổ 2, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1988; chị Phạm Thị Ái N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị N có mặt, anh V vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà Phạm Thị Ái N là em chồng tôi. Vào ngày 21/8/2021 vợ chồng Phạm Thị Ái N và anh Nguyễn Minh V cần tiền để làm ăn, nên có đến mượn của tôi số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), và hứa đến sẽ trả đủ số tiền trên vào ngày 21/8/2022. Tuy nhiên đến ngày thực hiện thì vợ chồng bà Nga không chịu trả, mà còn thách thức tôi kiện ra pháp luật mà đòi. Hiện nay gia đình tôi đang khó khăn, không đủ tiền chạy chữa cho chồng, nên tôi khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ái N, ông Nguyễn Minh V phải trả cho tôi số tiền 90.000.000đ đã vay.

Ngoài ra bà Q không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Phạm Thị Ái N trình bày: Tôi có vay của bà Lê Thị Q ở thôn 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà Q thỏa thuận cho tôi vay không viết giấy tờ gì hết. Ngày 16/3/2020 tôi nhờ ba tôi là ông Phạm Văn Phúc lên nhà bà Q lấy tiền, ba tôi đem về cho tôi 47.500.000đ, bà Q giữ lại 2.5000.000đ, tôi đóng lãi đều hàng tháng đến tháng 5/2020. Ngày 18/5/2020 tôi vay thêm bà Q số tiền 40.000.000đ nữa, cộng lại lần trước nữa là thành 90.000.000đ, tôi trả lãi mỗi tháng là 4.500.000đ, tôi đóng lãi có tháng đưa tiền mặt, có tháng chuyển khoản, có tháng nộp trực tiếp bằng tiền mặt vào tài khoản qua ngân hàng, trong lúc dịch bệnh khó khăn có tháng tôi đóng đủ 4.500.000đ có tháng đóng 4.000.000đ còn thiếu.

Đến tháng 8/2021 chồng tôi anh V bị nhồi máu não bán cầu, hoàn cảnh gặp khó khăn tôi không đóng lãi cho bà Q 3 tháng, từ 8,9,10 năm 2021. Đến tháng 11/2021 bà Q xuống nhà tôi bảo tôi viết giấy nợ, tôi viết, ký xong, tôi nhờ anh tôi đem giấy nợ và 5.000.000đ đưa cho bà Q, tháng 12 tôi chuyển khoản, tháng 1 năm 2022 tôi đưa tiền lãi cho bà Q bằng tiền mặt; tháng 2/2022 chuyển khoản cho bà Q và đưa bà Q một bồn rửa chén trị giá 3.500.000đ. Qua tháng 3/2022 tôi điện xin bà Q cho tiền lãi, tôi không thể nào đóng tiền lãi nổi nữa. Vì hoàn cảnh chồng tôi bị bệnh, con còn nhỏ. Còn tiền gốc tôi sẽ cố gắng làm thuê để kiếm tiền trả cho bà Q mỗi tháng một ít đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Minh V, từ khi được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập và thông báo để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng luôn vắng mặt, không lý do, không có bất kỳ văn bản nào nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt nhưng có gửi văn bản, trong đó có ý kiến: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng chị N, anh V phải trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000đ đã vay và hiện còn nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000đ đã vay, hiện còn nợ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày và ý kiến của bị đơn; ý kiến bằng văn bản của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nguyên đơn, và ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh V, chị Phạm Thị Ái N; Địa chỉ: Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả lại tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q; anh V theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ mà hai bên xác lập từ ngày 21/9/2021, thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Q yêu cầu anh V, chị N phải trả cho bà Q số tiền vay tổng cộng là 90.000.000đ. Bà Q xuất trình chứng cứ là bản gốc giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết tên người mượn tiền là anh V, chị N với số tiền là 90.000.000đ. Điều này cũng đã được chính chị N thừa nhận tại phiên tòa hôm nay. Nên đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Chị N đề nghị bà Q cho trả dần, nhưng bà Q không đồng ý, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận đề nghị này của chị N.

Bà Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Minh V và chị Phạm Thị Ái N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu $90.000.000đ \times 5\% = 4.500.000đ$ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 điều 466, Điều 470 BLDS 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q:

- Buộc chị Phạm Thị Ái N và anh Nguyễn Minh V phải trả cho bà Q số tiền 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc chị Phạm Thị Ái N và anh Nguyễn Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho bà Q số tiền đã nộp là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011933 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (23/8/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn